

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2024/HNGĐ - ST
Ngày: 05/02/2024
Về việc: Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán: - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Khanh.
- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Xuân Dự và bà Trần Thị Lệ Dung.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thúy Lan là thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Phương – Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 239/2023/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2023 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử 65/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 02/2024/QĐST – HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị N – sinh năm 1983.

Nơi ĐKKHKT và trú tại: Thôn Đ, xã T, huyện H, tỉnh Ninh Bình.; vắng mặt.

- **Bị đơn:** Anh Vũ Văn Q – sinh năm 1980.

Nơi ĐKKHKT và trú tại: Xóm 8, xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

Chị N có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Q vắng mặt lần 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các văn bản khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn là chị Nguyễn Thị N trình bày: Chị và anh Vũ Văn Q sau thời gian tự do tìm hiểu đã tự nguyện kết hôn với nhau. Đăng ký kết hôn ngày 24 tháng 07 năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng 6 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn do cuộc sống vợ chồng luôn bất đồng quan điểm, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng không khắc phục được nên từ năm 2021 chị đã về xã T sinh sống đồng thời vợ chồng sống ly thân không quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn và anh chị không có khả năng về đoàn

tự. Do vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Q để chị ổn định cuộc sống

Về con chung: Chị và anh Q có một con chung cháu Vũ Nguyễn Đức B sinh ngày 19 tháng 08 năm 2020. Hiện nay cháu đang ở cùng với anh Q. nay ly hôn do cháu B đang ở với bố nên chị đề nghị Tòa án giao cháu B cho anh Q tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng và chị không có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với cháu B.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị và anh Q không có tài sản chung và công nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Trong Đơn đề nghị ngày 24 tháng 11 năm 2023 bị đơn trong vụ án là anh Vũ Văn Q trình bày: Anh và chị N được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn với nhau. Đăng ký kết hôn ngày 24 tháng 7 năm 2015 tại UBND xã T, huyện H, tỉnh Ninh Bình, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn thì không có gì to tát lắm nhưng cuối năm 2021 đầu năm 2022 chị N xin về quê chơi vài bữa sau đó chị N có tình cảm với người đàn ông khác nên đã không về xã Đ chung sống cùng anh Q và con nữa, mặc dù lúc đấy con anh chị còn nhỏ nhưng chị N đã không có tình cảm và không yêu thương con. Chị N bỏ mặc anh một mình nuôi con nhỏ và chị N không quan tâm đến con cái. Anh chị đã sống ly thân nhau hơn một năm nay và không quan tâm đến nhau nữa. Nay chị N xin ly hôn anh không có ý kiến gì, để chị N tự quyết định mọi vấn đề.

Về con chung: Anh và chị N có một con chung cháu Vũ Nguyễn Đức B sinh ngày 19 tháng 08 năm 2020. Từ khi chị N bỏ nhà đi một mình anh trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu B. Dù thiếu bàn tay chăm sóc của người mẹ nhưng cháu vẫn ngoan và khỏe mạnh, phát triển bình thường. Nay chị N có đơn xin ly hôn anh đề nghị Tòa án giao cháu B cho anh tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng và anh không yêu cầu chị N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với cháu B.

Về tài sản chung và công nợ chung : Anh và chị N không có tài sản chung và công nợ chung nên anh không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

1. Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chấp hành và thực hiện tương đối đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81,82,83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 144 khoản 4 Điều 147 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị N ly hôn anh Vũ Văn Q.

- Về con chung: Giao cho anh Vũ Văn Q tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cháu Vũ Nguyễn Đức B sinh ngày 19 tháng 08 năm 2020 kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến

khi cháu B trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị Nguyễn Thị N không có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con chung. Chị N có quyền đi lại thăm nom con chung.

- Án phí: Chị Nguyễn Thị N nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị N có đơn khởi kiện về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Vũ Văn Q có nơi cư trú tại: Xóm 8, xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Tòa án nhân dân huyện K thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1, Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn là anh Vũ Văn Q, anh Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không rõ lý do. Chị N có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy để đảm bảo quyền lợi của các đương sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Vũ Văn Q có Đăng ký kết hôn ngày 24 tháng 07 năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Ninh Bình. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh Q là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị về làm ăn sinh sống tại xóm 8, xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Quá trình vợ chồng sống chung đã phát sinh mâu thuẫn. Cả chị N và anh Q đều xác nhận vợ chồng có mâu thuẫn và đã sống ly thân nhau từ cuối năm 2021 đầu năm 2022 cho đến nay. Đồng thời cả hai đều không có biện pháp nào để khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Sau khi Tòa án thụ lý giải quyết anh Q chỉ có đơn đề nghị không có ý kiến gì về việc chị N ly hôn, tuy nhiên khi Tòa án tiến hành các thủ tục sau đó như thủ tục tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải thì anh Q đã không có mặt dẫn đến việc mất đi cơ hội hòa giải để vợ chồng khắc phục mâu thuẫn và về đoàn tụ.

Biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Đ thể hiện: Chị N và anh Q có quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị về làm ăn và sinh sống tại xóm 8, xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Quá trình chung sống với nhau đã phát sinh nhiều mâu thuẫn qua năm bắt tại cơ sở thì việc anh chị mâu thuẫn do bất đồng quan điểm lối sống, khoảng cuối năm 2021 đầu năm 2022 chị N đã về quê ngoại trên H làm ăn sinh sống không quan tâm đến con cái và gia đình nhà chồng, anh chị cũng sống ly thân từ đó cho đến nay. Về con chung anh chị có một con chung cháu Vũ Nguyễn Đức B sinh ngày 19 tháng 08 năm 2020 từ khi chị N bỏ đi cháu B hiện đang ở cùng anh Q. Cả anh Q và chị N là lao động tự do nên UBND xã không nắm được mức thu nhập của các bên đương sự. Nay chị N xin ly hôn anh Q Tòa án căn cứ vào các tài liệu chứng cứ và các quy định của pháp luật để giải quyết.

Từ những tài liệu, chứng cứ nêu trên chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh Q đã đến mức trầm trọng không thể khắc phục được, anh chị đã có thời gian sống ly thân nhau gần 2 năm nay và không có biện pháp nào để hàn gắn tình

cảm vợ chồng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

[3] Về con chung: Chị N và anh Q có một con chung cháu Vũ Nguyễn Đức B sinh ngày 19 tháng 08 năm 2020, thời gian anh chị sống ly thân cháu B do anh Q trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh chị ly hôn cả chị N và anh Q đều có nguyện vọng giao cháu B cho anh Q tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Nay để không làm thay đổi và ảnh hưởng đến môi trường sống sinh hoạt của cháu nên giao cháu B cho anh Q tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu B thành niên và tự lập được cuộc sống, như vậy là đảm bảo được quyền lợi của con cũng như phù hợp với nguyện vọng của các đương sự trong vụ án. Về vấn đề cấp dưỡng đối với con chung anh Q không yêu cầu cấp dưỡng nên chị N không có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con chung là phù hợp với điều 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình và phù hợp với thực tế điều kiện nuôi dưỡng con của các bên đương sự.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 144. Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Nguyễn Thị N phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Vũ Văn Q. (Quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh Q chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật)

2. Về con chung: Giao cháu Vũ Nguyễn Đức B sinh ngày 19 tháng 08 năm 2020 cho anh Vũ Văn Q tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu B trưởng thành đủ 18 tuổi và tự lập được cuộc sống. Chị Nguyễn Thị N không có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con chung và có quyền đi lại thăm nom con chung.

Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002053 ngày 06 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện K
- Chi cục THA dân sự huyện K
- UBND xã T, huyện H..
- Dương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)
Trần Thị Khanh**